| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI,TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 129/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 6- 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Biện Thị Nhung
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Bà Phạm Thị Hà
Ông Nguyễn Văn Hiển

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983
Cư trú tại: Ấp TĐA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
- *Bị đơn:* Chị Trương Hồng C, sinh năm 1984
Cư trú tại: Ấp TANA, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1939
2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1948
3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985
4. Ông Nguyễn Văn T
Cùng cư trú tại: Ấp TĐA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Trương Hồng C chung sống vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống tại gia đình anh L ở ấp TĐA, xã TĐ khoảng một năm thì ra ở riêng. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không phù hợp tính cách. Mâu thuẫn giữa anh chị hai bên gia đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng tiếp tục không có hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh L

yêu cầu được ly hôn chị Trương Hồng C.

- Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Thúy V sinh ngày 29/3/2003, hiện tại đã có gia đình riêng. Tuy nhiên, do cháu V chưa đủ 18 tuổi nên anh L yêu cầu nguyện vọng con muốn ở với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ người khác, người khác nợ lại: Không có.

** Bị đơn chị Trương Hồng C trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và nơi sinh sống sau kết hôn theo anh L trình bày là đúng. Anh chị có mâu thuẫn và đã ly thân khoảng hai năm nay. Nay chị C không đồng ý ly hôn anh L.

- Về con chung: Nguyễn Thúy V sinh ngày 29/3/2003, hiện nay đã có gia đình riêng nhưng cháu chưa đủ 18 tuổi nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Khi kết hôn cha mẹ chồng cho chị C và anh L 5 chỉ vàng 24k, cha mẹ ruột chị C cho 10 chỉ vàng 24k. Sau khi về chung sống với gia đình chồng được ba năm thì ra ở riêng, khi ra riêng năm 2003 cha mẹ chồng là ông Nguyễn Văn M và Lê Thị B có cho vợ chồng 5 công đất nuôi trồng thủy sản. Vợ chồng lấy 5 chỉ vàng cha mẹ chồng cho trong ngày cưới để cải tạo phần đất được tặng cho. Do đất không có mặt tiền nên vợ chồng nhận chuyển nhượng thêm của ông Nguyễn Văn T một công đất mặt tiền với giá 20 chỉ vàng 24k. Tổng cộng vợ chồng chị có 6 công đất nuôi trồng thủy sản và đã cho em chồng tên Nguyễn Văn L thuê từ năm 2018, hợp đồng thuê thỏa thuận bằng lời nói không lập văn bản. Ngoài ra, vợ chồng còn một số tài sản chung như một Cếc xe Sirius do anh L đứng tên chủ sở hữu không nhớ biển số, mua năm 2015 giá trị 20.000.000 đồng, một tủ ti vi bằng nhôm mua năm 2003 giá trị 2.200.000 đồng, một ti vi hiệu Sony mua năm 2003 giá 5.000.000 đồng, một tủ lạnh mua năm 2015 hiệu Shar, một tủ áo bằng nhôm mua năm 2003 giá 2.000.000 đồng, hiện tại các tài sản này gửi cho mẹ chồng quản lý dùm. Khi ly hôn chị C và anh L tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ người khác, người khác nợ lại: không có.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn L trình bày: Vào ngày 25/8/2018 anh có thuê phần đất 5 công của anh Nguyễn Văn L ở ấp TĐA, xã TĐ. Hợp đồng thuê đất bằng lời nói, thời hạn ba năm, giá thuê mỗi năm 5.000.000 đồng. Nay anh đã giao tiền hai năm thuê là 10.000.000 đồng, tiền thuê năm 2020 chưa giao. Việc yêu cầu phân Ca đất giữa chị C và anh L anh không có yêu cầu gì. Trường hợp Tòa án giải quyết Ca phần đất anh thuê thì giữa anh và anh L, chị C tự thỏa thuận giải quyết, nếu không giải quyết được anh sẽ khởi kiện tại Tòa án sau.

- Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị B trình bày: Vì điều kiện sức khỏe ông bà xin từ chối tham gia tố tụng toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Văn T không có ý kiến trong vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L, chị Trương Hồng C, ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị B, anh Nguyễn Văn L có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Trương Hồng C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Anh L có yêu cầu ly hôn, chị C không đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định *"Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng..."*. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thúy V tại *"Bản ghi ý kiến đề ngày 24/3/2020"* cháu V có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Trương Hồng C là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng chị C không có yêu cầu nên Hội dồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị C khai chị và anh L có các tài sản chung như năm công đất nuôi trồng thủy sản được cha mẹ chồng là ông M và bà B cho và một công đất nhận chuyển nhượng thêm của ông T cùng một số tài sản như xe Sirius, một tủ ti vi bằng nhôm, một ti vi hiệu Sony, một tủ lạnh mua năm 2015 hiệu Shar, một tủ áo bằng nhôm. Anh L khai vợ chồng chỉ có xe Sirius, tủ ti vi, ti vi, tủ lạnh, tủ áo và một công đất nhận chuyển nhượng của ông T là tài sản chung còn đối với năm công đất nuôi trồng thủy sản ông M và bà B chỉ cho vợ chồng mượn để canh tác, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy, anh L và chị C trình bày chưa phù hợp nhau về số tài sản chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị C rút lại yêu cầu phân chia tài sản chung, anh L cũng đồng ý tự thỏa thuận phân chia. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Đều 244 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Hồng C về việc yêu cầu phân chia tài sản chung.

Do anh L và chị C tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong vụ án này nên đối với việc sang nhượng đất của ông T cũng như hợp đồng thuê đất của anh L Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp có tranh chấp tài sản chung cũng như hợp đồng có liên quan đến tài sản chung thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Anh L và chị C xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh L phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm chị C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn L và chị Trương Hồng C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thúy V (nữ), sinh ngày 29/3/2003 cho chị Trương Hồng C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Nguyễn Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0010228 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Nguyễn Văn L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Chị Trương Hồng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Trương Hồng C 3.888.000 đồng (ba triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010468 ngày 24 tháng 3 năm 2020 của C cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Biện Thị Nhung**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- C cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;